

địa phương, nay quy định nhiệm vụ và tổ chức biên chế của dân quân và tự vệ như sau :

Dân quân và tự vệ có nhiệm vụ tích cực tham gia sản xuất, đồng thời có những nhiệm vụ quân sự sau đây :

a) Sẵn sàng bổ sung cho quân đội.

b) Bảo vệ sản xuất, giữ gìn trị an ở địa phương trong thời bình.

c) Tiến hành chiến tranh du kích khi có chiến tranh.

Điều 2. — Nay quy định tổ chức dân quân và tự vệ như sau :

a) Mỗi công dân Việt nam từ 18 đến 45 tuổi đều có nghĩa vụ tham gia dân quân, tự vệ. Ngoài lứa tuổi trên, ai tình nguyện cũng được kết nạp.

b) Để việc điều động làm các nhiệm vụ được hợp lý sẽ biên chế thành dân quân và tự vệ 1 và dân quân và tự vệ 2.

Dân quân và tự vệ 1 là tổ chức vũ trang nông cốt ở nông thôn và thành phố gồm những quân nhân phục viên, những dân quân du kích hay tự vệ cũ và những thanh niên có đủ điều kiện về tuổi, sức khỏe và phẩm chất chính trị.

Dân quân tự vệ 2 là tổ chức vũ trang rộng rãi gồm tất cả mọi người có nghĩa vụ quân sự và những quân nhân phục viên, dân quân du kích tự vệ cũ, thanh niên, không đủ điều kiện làm dân quân tự vệ 1.

c) Căn cứ vào điều kiện địa dư, chỗ ở gần nhau, tiện lợi cho việc sản xuất mà sắp xếp thành từng tiểu đội, trung đội, đại đội, dân quân và tự vệ 1 riêng, dân quân và tự vệ 2 riêng. Đặc biệt ở những nơi dân cư thưa, số lượng dân quân ở gần nhau quá ít thì có thể sắp xếp cả dân quân tự vệ 1 và 2 vào chung một tiểu đội hoặc một trung đội.

d) Về chỉ huy cần phải kiện toàn bố trí cho vững mạnh. Chọn trong hàng ngũ cán bộ quân nhân phục viên, và cán bộ dân quân tự vệ sẵn có, hoặc do đoàn thể và chính quyền trong địa phương cử ra, những người đủ điều kiện về đức tài, tổ chức thành các ban chỉ huy có tinh thần trách nhiệm đầy đủ, có khả năng để chỉ huy, huấn luyện, lãnh đạo và quản lý lực lượng dân quân và tự vệ.

e) Mỗi huyện chọn một xã tương đối khá gần huyện lỵ trực tiếp chỉ đạo riêng xã đó xây dựng đội dân quân 1 để rút kinh nghiệm lãnh đạo cho việc tổ chức dân quân chung trong toàn huyện và để làm nhiệm vụ giữ gìn trị an khi cần thiết tại huyện lỵ.

Điều 3. — Việc tổ chức củng cố và phát triển dân quân và tự vệ trong toàn quốc do Bộ Quốc phòng phụ trách lãnh đạo.

Ở cấp khu do các Bộ tư lệnh quân khu phụ trách; ở các tỉnh, thành phố, các huyện, các châu thuộc Khu Tự trị do Ủy ban Hành chính các cấp đó phụ trách lãnh đạo và các cơ quan quân sự địa phương phụ trách thực hiện.

Ở các xã, thị xã, thị trấn, khu phố thì do Ủy ban Hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố phụ trách lãnh đạo và các cơ quan quân sự ở các cấp đó phụ trách thực hiện.

Ở các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, trường học do các thủ trưởng cơ quan và ban Giám đốc xí nghiệp, nông trường, trường học phụ trách.

Điều 4. — Các ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Công an và các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các cấp chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 12 tháng 12 năm 1958.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

VÕ NGUYỄN GIÁP

LIÊN BỘ

NỘI VỤ — CÔNG AN — TƯ PHÁP

THÔNG TƯ số 80-TT/LB ngày 6-12-1958
về các trường hợp mất quyền bầu cử, ứng cử.

Kính gửi : Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị,
Khu Hồng Quảng,
Khu vực Vĩnh linh và các tỉnh,

Điều 4, tiết I, chương I, luật số 004-SL1 ngày 20-7-1957 về bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp quy định những người sau đây không có quyền bầu cử, ứng cử :

— Người bị pháp luật hoặc tòa án tước công quyền.

— Người bị bệnh điên.

— Địa chủ chưa được thay đổi thành phần (trừ địa chủ thường được Ủy ban Hành chính và Ban chấp hành Nông hội xã đề nghị cho bầu cử, ứng cử và được Ủy ban Hành chính tỉnh chuẩn y, và địa chủ kháng chiến).

Để việc xét tư cách cử tri và ứng cử viên khỏi có sự thiếu sót, các địa phương cần nhận định đúng về phạm vi thi hành sắc luật trong những trường hợp trên.

Thông tư này nêu lên một số trường hợp cần được chú ý.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

I. — TRƯỜNG HỢP NHỮNG NGƯỜI BỊ PHÁP LUẬT HOẶC TÒA ÁN TƯỚC CÔNG QUYỀN

Theo nguyên tắc hiện hành, những người sau đây bị tước công quyền:

1) Những người phạm tội phản cách mạng:

— Việt gian phản động, phá hoại an toàn Nhà nước (bị xử phạt theo sắc lệnh số 133 ngày 20-1-1953).

— Những người vì mục đích phá hoại, can tội làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của Hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch kinh tế và văn hóa của Nhà nước (bị xử phạt theo sắc lệnh số 267-SL ngày 15-6-1956).

— Những địa chủ cường hào gian ác, địa chủ và tay sai chống phá pháp luật (bị xử phạt theo sắc lệnh số 151-SL ngày 12-4-1953).

— Những người đang bị quản chế vì hành vi phản cách mạng (sắc lệnh số 175-SL ngày 18-8-1953).

2) Những người phạm tội hình sự thường:

— Những người bị xử phạt tù hiện đang ở tù.

— Những người đang bị quản chế vì tội hình sự thường.

— Những người vì tham lam tư lợi bị xử phạt theo sắc lệnh số 267-SL ngày 15-6-1956, trong bản án có tuyên bố tước công quyền.

— Những người bị can vì tội hình sự thường thuộc loại nghiêm trọng, bị phạt từ 5 năm tù trở lên.

— Những người bị án vì tội hình sự thường thuộc loại không nghiêm trọng bị phạt dưới 5 năm tù nhưng trong bản án có tuyên bố mất quyền công dân.

Nói chung tất cả những phạm nhân kể trên về tội phản cách mạng và hình sự thường kể cả những người đang chịu án hoặc đã mãn án nhưng chưa được tòa án cho khôi phục công quyền, đều không được tham gia bầu cử, ứng cử. Tuy nhiên những người phạm tội và bị xử phạt trước ngày 9-10-1954 đều được đại xá và được khôi phục công quyền, chỉ trừ một số ít người là không được hưởng đại xá.

Theo thông tư số 413-TTg ngày 1-11-1954 của Thủ tướng Chính phủ thi hành nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ngày 12-10-1954 thì các tội phạm bị tòa án quân sự, tòa án nhân dân, tòa án hình truy tố và xét xử từ cách mạng tháng 8 đến ngày 9-10-1954, đều được đại xá, được hưởng mọi quyền công dân, có quyền bầu cử ứng cử.

Những phạm nhân được hưởng đại xá bao gồm tất cả những người đang ở thời kỳ bị truy tố hoặc bị xử vắng mặt hay có mặt, đã chịu án hay chưa chịu án hoặc đang chịu án mà lần trốn, kể cả những người can tội hợp tác với đối phương đã được tha hoặc miễn tố theo sắc lệnh số 218-SL

ngày 1-10-1954. Riêng mấy loại phạm nhân sau đây không được hưởng đại xá:

— Địa chủ cường hào gian ác bị xử phạt trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất.

— Bọn có nhiều nợ máu với nhân dân, tra tấn giết người một cách dã man.

— Bọn còn dồ chưa thực sự cải tạo, chưa học được nghề gì để sinh sống lương thiện.

II. — TRƯỜNG HỢP NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN

Những người điên là những người đã mất trí, tinh thần rối loạn liên miên, không phân biệt được phải trái, không nhận định được ngoại cảnh.

Trường hợp này nếu đa số nhân dân trong xã, khu phố hoặc cơ quan y tế địa phương xác nhận thì không để tham gia bầu cử ứng cử.

Cần phân biệt người điên với người gàn dở, lảm càm, đồng bóng, hoặc những người bị bệnh thần kinh trong từng thời kỳ, lúc mất trí, lúc bình thường. Những người này trong lúc bình thường vẫn có quyền bầu cử và ứng cử.

III. — TRƯỜNG HỢP CÁC ĐỊA CHỦ

Nói chung, các địa chủ chưa được thay đổi thành phần đều không có quyền bầu cử, ứng cử. Nhưng để mở cho họ con đường lao động cải tạo nên Chính phủ đã có chính sách phân biệt đối xử:

Điều 3, tiết 1, chương I luật bầu cử, quy định những địa chủ sau đây, tuy chưa được thay đổi thành phần, cũng được bầu cử và ứng cử:

— Địa chủ kháng chiến.

— Địa chủ thường được Ủy ban Hành chính và Ban chấp hành Nông hội xã đề nghị cho bầu cử và ứng cử, và được Ủy ban Hành chính tỉnh chuẩn y.

Việc xét cho một địa chủ thường được tham gia bầu cử và ứng cử cần căn cứ trên 2 điều kiện

1) Thái độ lao động:

Bản thân địa chủ phải thực sự tham gia lao động chính trong sản xuất nông nghiệp như cày, bừa, cấy gặt, tát nước, làm cỏ bỏ phân.

Việc xét lao động của một địa chủ phải căn cứ theo mức lao động bình thường và có chảm chước đối với những người già yếu, ốm đau, tàn tật, bận con mọn, mất sức lao động, v.v...

2) Thái độ đối với chính sách, pháp luật của Chính phủ:

Phải thi hành đúng đắn các chính sách, triệt để tuân theo luật pháp của Chính phủ. Đối với các thể lệ chung của địa phương, biết tôn trọng, không gây chia rẽ trong nhân dân, không làm rối trật tự ở nông thôn.

Cần chú ý là việc cho một địa chủ tham gia bầu cử ứng cử không có nghĩa là cho họ thay đổi

LawSoft.vn | www.ThuVienPhapLuat.com | +84-8-86666666

thành phần. Việc xét cho địa chủ thay đổi thành phần vẫn phải dựa trên nguyên tắc đã quy định.

Đối với vợ lẽ, con nuôi, người ở rề và con cái địa chủ mà sau sửa sai không vạch là thành phần địa chủ đều được coi như mọi công dân khác, được quyền bầu cử ứng cử.

IV. — MẤY TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Trường hợp những người dưới đây, mặc dù tòa án chưa tuyên bố mất quyền công dân, nhưng vi phạm pháp luật Nhà nước và hiện bị giam giữ, thời không được tham gia bầu cử ứng cử:

- 1) Những người bị tạm giữ, tạm giam.
- 2) Những người đang bị tập trung để lao động cải tạo.

Cần phân biệt những người sau đây là những người có thể tham gia bầu cử, ứng cử:

- 1) Những người bị án treo.
- 2) Những người đang bị tòa án truy tố hoặc đang chống án nhưng không bị giam giữ.
- 3) Những người hiện đang được nuôi và dạy nghề ở trong các trại cứu tế xã hội.

★

Trên đây là một số trường hợp cần thiết nêu lên để địa phương nghiên cứu áp dụng trong việc lập danh sách cử tri. Ngoài ra trong khi tiến hành, nếu có trường hợp nào chưa rõ, đề nghị báo cáo lên Bộ để xét và xử lý.

Hà nội, ngày 6 tháng 12 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Tư pháp K.T. Bộ trưởng Bộ Công an
VŨ ĐÌNH HÒE Thứ trưởng
LÊ QUỐC THÂN

Bộ trưởng Bộ Nội vụ
PHAN KẾ TOẠI

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 4122-DC-TC ngày 8-12-1958 về việc quy định các xã áp dụng thể lệ bầu cử theo miền Núi.

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị Thái — Mèo và Việt bắc.

Ủy ban Hành chính Khu Hồng Quảng. Ban Cán sự Hành chính Lào — Hà — Yên.

Ủy ban Hành chính các tỉnh (trừ Hưng yên, Thái bình, Nam định, Kiến an).

Ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh linh.

Theo điều 44 nghị định số 432-TTg ngày 25-9-1957 của Thủ tướng Chính phủ, thi hành sắc luật số 004-SLt ngày 20-7-1957. Ủy ban Hành chính các tỉnh quyết định những xã nào phải áp dụng những thể lệ bầu cử, ứng cử quy định cho miền Núi theo đề nghị của Ủy ban Hành chính huyện.

Thể lệ bầu cử ứng cử quy định cho miền Núi nhằm chiếu cố các dân tộc ở miền Núi làm cho mỗi dân tộc, mỗi thôn xóm đều có thể có đại biểu trong Hội đồng nhân dân địa phương. Để đạt yêu cầu trên và để giúp các địa phương trong việc xét định vấn đề này, Bộ lưu ý mấy điểm:

1) Các xã trong các Khu Tự trị và các tỉnh miền Núi đều áp dụng theo thể lệ bầu cử ứng cử quy định cho miền Núi (kể cả những xã đại bộ phận là người Kinh).

2) Trong các tỉnh miền xuôi thì các xã sau đây có thể áp dụng thể lệ bầu cử ứng cử quy định cho miền Núi:

a) Các xã rõ ràng là miền Núi xét về phương diện địa dư hoặc dân tộc (kể cả những xã đại bộ phận người Kinh mà ở trong một địa bàn rõ ràng là miền Núi).

b) Các xã có từ 1/4 người dân tộc trở lên. Đặc biệt có những xã người dân tộc tuy chỉ chiếm dưới 1/4 dân số nhưng dân cư thưa thớt, địa dư quá rộng mà xét việc áp dụng thể lệ bầu cử theo miền xuôi không có lợi, thì cũng có thể áp dụng thể lệ bầu cử theo miền Núi.

★

Trên đây, Bộ nêu lên những hướng chính để nghị các địa phương nghiên cứu, áp dụng cho thích hợp với tình hình thực tế của từng nơi.

Hà nội, ngày 8 tháng 12 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Thứ trưởng
TÔ QUANG ĐÀU

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 80-NĐ ngày 8-12-1958 ấn định giá cước bưu thiếp gia đình gửi vào miền Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 330-NĐ ngày 30-10-1957 quy định cước phí thường và bảo đảm của các loại bưu phẩm gửi trong nước;

Căn cứ biên bản về việc trao đổi bưu thiếp gia đình giữa hai đoàn chuyên viên Bưu điện miền Nam và miền Bắc ký ngày 12-4-1955 tại Hải-phòng;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện;